

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án điều tra xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2012 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-BNV ngày 26/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2012 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án điều tra xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Phương án đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ, Giám đốc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước; Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Vụ Kế hoạch -

Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VKH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 776/SY-UBND

Bình Định, ngày 21 tháng 5 năm 2013

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Chánh VP, K12;
- Lưu: VT (07b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình

PHƯƠNG ÁN

Điều tra xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2012 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 524/QĐ-BNV ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Điều tra phục vụ việc xác định được Chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số CCHC) năm 2012 của các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dựa trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các bộ, các tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

Cuộc điều tra phải đảm bảo đúng đối tượng, phương pháp điều tra, khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ MẪU ĐIỀU TRA

1. Đối tượng

a) Đánh giá cấp bộ

- Đại biểu Quốc hội;
- Lãnh đạo cấp vụ/cục/tổng cục tất cả các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Đánh giá cấp tỉnh

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh;
- Lãnh đạo UBND cấp huyện;
- Người dân;
- Đại diện doanh nghiệp.

2. Phạm vi và mẫu điều tra

Tổng số 34.578 mẫu, cụ thể:

a) Đánh giá cấp bộ

- Đại biểu Quốc hội: 345 mẫu;

- Tại 22 bộ, cơ quan ngang bộ: Lãnh đạo cấp vụ/cục/tổng cục tất cả các bộ, cơ quan ngang bộ: 1.284 mẫu;

- Lãnh đạo cấp sở tại 63 tỉnh, thành phố: (3 người/sở x 19 sở/tỉnh x 63 tỉnh/thành): 3.591 mẫu.

b) Đánh giá cấp tỉnh

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: (30 Đại biểu x 63 tỉnh, thành phố): 1.890 mẫu;

- Lãnh đạo cấp sở: (3 người/sở x 19 sở/tỉnh x 63 tỉnh/thành): 3.591 mẫu;

- Lãnh đạo cấp huyện: (03 người/huyện x 189 huyện): 567 mẫu;

- Người dân: (30 người x 03 xã x 189 huyện): 17.010 mẫu;

(Mỗi tỉnh lựa chọn 03 đơn vị cấp huyện, mỗi huyện chọn 03 đơn vị hành chính cấp xã có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thuộc loại tốt, trung bình, kém. Tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã, chọn ngẫu nhiên 30 người dân để điều tra xã hội học).

- Doanh nghiệp: 100 doanh nghiệp x 63 tỉnh/thành phố): 6.300 mẫu;

(Mỗi tỉnh chọn tối đa 10 doanh nghiệp nhà nước, 10 doanh nghiệp FDI và số còn lại là doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trong trường hợp không có đủ số lượng doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI thì chọn bổ sung doanh nghiệp ngoài quốc doanh để điều tra).

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

1. Đánh giá cấp bộ

a) Về chất lượng, tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (CCHC) của Bộ; Việc bố trí nguồn lực (con người, tài chính) cho công tác CCHC của Bộ; Công tác chỉ đạo và kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Bộ;

b) Về tính kịp thời, tính khả thi, tính hiệu quả của thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

c) Về tính cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ; mức độ thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

d) Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ (vụ, cục, tổng cục);

đ) Về kết quả thực hiện quy chế làm việc của Bộ;

e) Về năng lực chuyên môn của công chức thuộc Bộ; Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức thuộc Bộ; Thái độ phục vụ của công chức thuộc Bộ;

g) Về tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức thuộc Bộ;

h) Về tác động của việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính trực thuộc Bộ;

i) Về tác động của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ;

k) Mức độ sử dụng thư điện tử của cán bộ, công chức trong trao đổi, giải quyết công việc;

l) Về tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của Bộ;

m) Về mức độ đầy đủ thông tin, văn bản về lĩnh vực quản lý của Bộ được cung cấp trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của Bộ;

n) Về mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin được cung cấp trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của Bộ.

2. Đánh giá cấp tỉnh

a) Tác động của công tác tuyên truyền đến nhận thức của người dân về cải cách hành chính;

b) Chất lượng, tính kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của địa phương;

c) Về việc bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính) cho công tác CCHC; công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC của địa phương;

d) Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành; Tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành;

đ) Về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; của các phòng thuộc UBND huyện;

e) Tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố;

g) Về năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm đối với công việc, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức tại địa phương;

h) Về tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của cán bộ, công chức tại địa phương;

i) Tác động của việc thực hiện cơ chế đối khoán biên chế và kinh phí hành chính với việc nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương;

k) Tác động của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại địa phương;

l) Về năng lực chuyên môn của đội ngũ đội ngũ cán bộ y tế, kết quả khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế tại địa

phương; Đánh giá về các hiện tượng tiêu cực của đội ngũ cán bộ y tế tại địa phương;

m) Đánh giá về năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên phổ thông, chất lượng dạy và học của các trường phổ thông tại địa phương; Đánh giá về tình trạng tiêu cực, chạy trường, chạy điểm tại các trường phổ thông tại địa phương;

n) Mức độ dụng thư điện tử của cán bộ, công chức trong trao đổi, giải quyết công việc;

o) Tính kịp thời của thông tin, mức độ đầy đủ thông tin về các lĩnh vực quản lý, mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin được cung cấp trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của tỉnh;

p) Đánh giá về việc thực hiện cơ chế một cửa gồm: Nơi đón tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa; Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa; Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa; Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa.

IV. LOẠI ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Loại điều tra

Điều tra xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2012 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cuộc điều tra xã hội học chọn mẫu với 34.578 mẫu (danh sách đối tượng điều tra, danh sách đơn vị điều tra theo mẫu).

2. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra sử dụng phỏng vấn bằng bảng hỏi cho các đối tượng được điều tra trả lời, điền thông tin vào phiếu điều tra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Viện Khoa học tổ chức nhà nước

- Xây dựng Phương án điều tra;
- Tổ chức 03 cuộc tập huấn cho lực lượng tham gia điều tra tại các bộ, cơ quan ngang bộ; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thời gian tập huấn là 01 ngày/1 cuộc tập huấn;
- Kiểm tra giám sát, phúc tra (chọn ngẫu nhiên 10% số mẫu điều tra của 10 đơn vị được điều tra để phúc tra) quá trình thu thập thông tin điều tra;
- Tổng hợp, xử lý số liệu điều tra;
- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ; Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Vụ Cải cách hành chính, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan trong Bộ Nội vụ triển khai các công việc điều tra đảm bảo cuộc điều tra được thực hiện đúng phương án quy định;

- Giúp Bộ Nội vụ phối hợp với Ban công tác đại biểu của Quốc hội thực hiện việc điều tra các đối tượng là đại biểu Quốc hội.

2. Vụ Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ

- Chịu trách nhiệm cử đại diện lãnh đạo Vụ và chuyên viên tham dự hội nghị tập huấn điều tra;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch điều tra cụ thể tại bộ, ngành mình theo đúng số lượng, đối tượng điều tra. Gửi kế hoạch điều tra về Bộ Nội vụ (Viện Khoa học tổ chức nhà nước) để thực hiện việc kiểm tra, giám sát, phúc tra quá trình điều tra;

- Thu thập, gửi phiếu điều tra về Viện Khoa học tổ chức nhà nước theo đúng thời gian quy định.

3. Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chịu trách nhiệm cử đại diện lãnh đạo Sở và chuyên viên tham dự hội nghị tập huấn điều tra;

- Lập danh sách đội ngũ lãnh đạo cấp sở, đại biểu hội đồng nhân dân, dự kiến các huyện, các xã, các doanh nghiệp để tiến hành điều tra gửi về Bộ Nội vụ (Viện Khoa học tổ chức nhà nước);

- Xây dựng và triển khai kế hoạch điều tra cụ thể tại địa phương theo đúng số lượng, đối tượng điều tra. Gửi kế hoạch điều tra về Bộ Nội vụ (Viện Khoa học tổ chức nhà nước) để thực hiện việc kiểm tra, giám sát, phúc tra quá trình điều tra;

- Thu thập, gửi phiếu điều tra về Viện Khoa học tổ chức nhà nước theo đúng thời gian quy định.

4. Tiến độ thực hiện

- Soạn thảo và trình duyệt phương án điều tra (tháng 5/2013);

- Trước ngày 05/5/2013, Bộ Nội vụ gửi Công văn (kèm theo phương án điều tra) tới Ban công tác đại biểu của Quốc hội; các bộ, cơ quan ngang bộ, Vụ Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thực hiện điều tra;

- Từ ngày 10/5 đến ngày 20/5/2013: Tổ chức 03 hội nghị tập huấn điều tra, dự kiến như sau:

+ Ngày 10/5/2013: Tổ chức tập huấn khối bộ, ngành tại Hà Nội;

+ Ngày 14/5/2013: Tổ chức tập huấn các địa phương từ Thừa Thiên - Huế trở ra tại Hà Nội;

+ Ngày 17/5/2013: Tổ chức tập huấn các địa phương từ Đà Nẵng trở vào tại TP Hồ Chí Minh.

- Từ ngày 17/5/2013 đến ngày 30/5/2013: Các bộ, ngành và các địa phương tiến hành điều tra, thu thập phiếu điều tra và gửi về Viện Khoa học tổ chức nhà nước - Bộ Nội vụ bằng đường bưu điện;

- Đến ngày 30/6/2013: Viện Khoa học tổ chức nhà nước kiểm tra, phúc tra; xử lý số liệu điều tra.

VI. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí điều tra xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2012 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do ngân sách nhà nước cấp, các chế độ tài chính được thực hiện theo quy định tại:

- Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Thông tư số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26 tháng 5 năm 2008 hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

- Một số văn bản quản lý tài chính khác.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiên Đình